| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Bà Nguyễn Thị Linh Chi
Ông Phạm Thanh Tân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngọc Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 778/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh NVĐ; nơi cư trú: A, 55118 B , Cộng hòa liên bang Đức; nơi tạm trú: Thôn C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị VTBH; nơi cư trú: F.6, 55118 G , Cộng hòa liên bang Đức; nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã I, huyện E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn và bản khai, nguyên đơn anh NVĐ và bị đơn là chị VTBH thống nhất trình bày:

Anh NVĐ và chị VTBH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 11 năm 2010. Sau khi kết hôn, anh NVĐ đón chị VTBH sang Đức để sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mất lòng tin với nhau về mặt tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay anh NVĐ và chị VTBH đều đề nghị được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Anh NVĐ chị VTBH không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh NVĐ, chị VTBH có đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá

trình giải quyết vụ án anh NVĐ, chị VTBH không có sự thay đổi quan điểm tại đơn
xin ly hôn, và bản tự khai đã gửi cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1]. Anh NVĐ, chị VTBH mang quốc tích Việt Nam, đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đức.Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn là anh NVĐ có mặt tại Việt Nam. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng. Tòa án xét xử vắng mặt Anh NVĐ và chị VTBH (theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt) đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung:

[2]. Xác định quan hệ hôn nhân: Anh NVĐ và chị VTBH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 26 tháng 11 năm 2010. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. Quá trình chung sống: Anh NVĐ và chị VTBH chung sống tại Đức một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, chênh lệch tuổi tác. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của hai bên là tự nguyện, nên chấp nhận giải quyết cho anh NVĐ và chị VTBH được ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung và tài sản chung: Anh NVĐ và chị VTBH không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh NVĐ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh NVĐ, chị VTBH được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh NVĐ được ly hôn với chị VTBH.

2. Về con chung: Anh NVĐ, chị VTBH không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh NVĐ, chị VTBH không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Anh NVĐ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứn g án phí đã nộp là 300.000đồng theo B iên lai số 0010639 ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Anh NVĐ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo:

Anh NVĐ, chị VTBH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Thủy**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
| --- | --- |
| **Nguyễn Thành Biên - Đỗ Thị Thanh Tú** | **Nguyễn Thị Thu Thuỷ** |

5.Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị Huyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bak Si Yun được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|
| **Nguyễn Đức Mạnh - Đỗ Thị Thanh Tú** | **Nguyễn Thị Thu Thuỷ** |